TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ký Bé Lài.

Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thu T), sinh năm 1981 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn vào năm 2000 và đã được Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 11 năm 2002. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cải, chị và anh Nguyễn Văn D đã không còn sống chung từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về con chung, có một người tên là Nguyễn Xuân B (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000, hiện do anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra đúng như chị Nguyễn Thị T đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung có một người đúng như chị Nguyễn Thị T đã trình bày, anh chấp nhận giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân vào ngày 14 tháng 11 năm 2002, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cải nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn và được anh Nguyễn Văn D đồng ý. Từ đó, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung có một người tên là Nguyễn Xuân B (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000, hiện đang do anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi và anh Nguyễn Văn D không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D là có căn cứ.

[4] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thu T) ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Nguyễn Xuân B (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000, anh Nguyễn Văn D chịu trách nhiệm giao con lại cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T là không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006980, ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương